UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 9150 /UBND-TH V/v phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024	*Bình Định, ngày 12 tháng 11năm 2024*

Kính gửi:
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Để đảm bảo chất lượng nội dung phục vụ Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến của tỉnh về đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 2024, triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 *(dự kiến tổ chức vào cuối tháng 11/2024)*; Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, khẩn trương xây dựng Báo cáo phân tích tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2024 *(có Phụ lục số 01 và 02 kèm theo Công văn này)*[1]; đánh giá nguyên nhân (đạt và không đạt) đối với các chỉ tiêu, số liệu chủ yếu đã đề ra, khó khăn, vướng mắc và bài học kinh nghiệm; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp cụ thể thực hiện kế hoạch năm 2025, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư **chậm nhất ngày 17/11/2024**.

2. Cục Thống kê tỉnh cung cấp tất cả các số liệu ước thực hiện phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và chỉ tiêu thực hiện năm 2025 trên địa tỉnh cho Sở Kế hoạch và Đầu tư **chậm nhất ngày 17/11/2024**.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan rà soát, xây dựng Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 *(kể cả xây dựng nội dung báo cáo bằng Slide)*, báo cáo UBND tỉnh **chậm nhất ngày 22/11/2024** đảm bảo phục vụ kịp thời chất lượng tại Hội nghị nêu trên. *Lưu ý: Tập trung phân tích chỉ tiêu, số liệu để có giải pháp chính xác thúc đẩy tăng trưởng.*

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương phối hợp triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- TCT của CT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, K3.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

[1] Lưu ý các sở ngành đánh giá cụ thể các chỉ tiêu do ngành phụ trách đã được giao cho các địa phương, khả năng đạt không đạt, nguyên nhân cụ thể từng địa phương.

Số: 9150/UBND-TH
Thời gian ký: 12/11/2024 21:39:40 +07:00

Phụ lục 01

ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU CỦA HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ ... NĂM 2024

(đính kèm văn bản số /UBND-TH ngày / /2024 của ...)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2024 của tỉnh	Ước thực hiện năm 2024 của các địa phương:											Cơ quan chủ trì phân rã kế hoạch của từng địa phương	Ghi chú
				Quy Nhơn	An Nhơn	Hoài Nhơn	Phù Cát	Phù Mỹ	Tuy Phước	Tây Sơn	Hoài Ân	An Lão	Vân Canh	Vĩnh Thạnh		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1.1	Tổng giá trị sản phẩm (giá so sánh 2010)	Triệu đồng													Cục Thống kê tỉnh	
	- Nông, lâm, thuỷ sản	Triệu đồng														
	- Công nghiệp và xây dựng	Triệu đồng														
	+ Công nghiệp	*Triệu đồng*														
	+ Xây dựng	*Triệu đồng*														
	- Dịch vụ	Triệu đồng														
1.2	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm	%													Cục Thống kê tỉnh	
	- Nông, lâm, thuỷ sản	%														
	- Công nghiệp và xây dựng	%														
	+ Công nghiệp	*%*														
	+ Xây dựng	*%*														
	- Dịch vụ	%														
2	**Kim ngạch xuất khẩu**	Triệu USD													Sở Công Thương phối hợp Cục Thống kê tỉnh	
3	**Tổng thu ngân sách trên địa bàn**	Tỷ đồng													Sở Tài chính	
	- Thu tiền sử dụng đất	*Tỷ đồng*													*Sở Tài chính*	
4	**Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ**	Tỷ đồng													Sở Công Thương phối hợp Cục Thống kê tỉnh	
5	**Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế**	%													Sở Y tế	
6	**Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân**	%													Sở Y tế	
7	**Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều**	%													Sở Lao động, TB & XH	
8	**Bảo hiểm xã hội tự nguyện**	Người													Sở Lao động, TB & XH	
9	**Tạo việc làm mới**	Người													Sở Lao động, TB & XH	
10	**Đào tạo nghề lao động nông thôn**	Người													Sở Lao động, TB & XH	
11	**Tỷ lệ che phủ rừng**	%													Sở Nông nghiệp và PTNT	
12	**Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung**	%													Sở Xây dựng	
13	**Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom**	%													Sở Tài nguyên và Môi trường	
14	**Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom**	%													Sở Tài nguyên và Môi trường	
15	**Thu hút dự án mới**	Dự án													Sở Kế hoạch và Đầu tư	

16	**Phòng chống lấn chiếm đất đai**													Sở Tài nguyên và Môi trường		
-	Số vụ vi phạm được giải quyết trong năm	Số vụ														
17	**Giải phóng mặt bằng**													Sở Tài nguyên và Môi trường		
-	Số lượng công trình, dự án hoàn thành GPMB so với tổng số dự án trên địa bàn	%														

Số: 9150/UBND-TH
Thời gian ký: 12/11/2024 21:39:57 +07:00

Phụ lục 02

ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU CỦA HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ ... NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

(đính kèm văn bản số /UBND-TH ngày / /2024 của ...)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024:		Ước thực hiện năm 2024	Ước thực hiện năm 2024 so với:			Đánh giá kết quả ước thực hiện năm 2024 so với:		Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
				UBND tỉnh giao	UBND cấp huyện giao		Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024 UBND tỉnh giao	Kế hoạch năm 2024 UBND cấp huyện giao	Kế hoạch năm 2024 UBND tỉnh giao	Kế hoạch năm 2024 UBND cấp huyện giao		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	**Tốc độ tăng giá trị sản phẩm**	**%**											
	- Nông, lâm, thuỷ sản	%											
	- Công nghiệp và xây dựng	%											
	+ Công nghiệp	*%*											
	+ Xây dựng	*%*											
	- Dịch vụ	%											
2	**Kim ngạch xuất khẩu**	Triệu USD											
3	**Tổng thu ngân sách trên địa bàn**	Tỷ đồng											
	- Thu tiền sử dụng đất	*Tỷ đồng*											
4	**Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ**	Tỷ đồng											
5	**Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế**	%											
6	**Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân**	%											
7	**Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều**	%											
8	**Bảo hiểm xã hội tự nguyện**	Người											
9	**Tạo việc làm mới**	Người											
10	**Đào tạo nghề lao động nông thôn**	Người											
11	**Tỷ lệ che phủ rừng**	%											
12	**Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung**	%											
13	**Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom**	%											
14	**Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom**	%											
15	**Thu hút dự án mới**	Dự án											

16	**Phòng chống lấn chiếm đất đai**												
-	Số vụ vi phạm được giải quyết trong năm	Số vụ											
17	**Giải phóng mặt bằng**												
-	Số lượng công trình, dự án hoàn thành GPMB so với tổng số dự án trên địa bàn	%											